

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 687/2020/HC-PT

Ngày 11 tháng 11 năm 2020

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính và
Hành vi hàng chính về quản lý nhà nước
trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp
xác lập quyền sở hữu nhà.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Thúy Hồng.

2/ Ông Nguyễn Hữu Ba

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Gia Viễn, Kiểm sát viên
cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 311/2020/TLPT-HC ngày 04/4/2019, về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính và Hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp xác lập quyền sở hữu nhà, giữa các bên đương sự:*

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1962

Địa chỉ: 131/21 KDV, P.X, Q.Y, Tp.HCM (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho bà H:

Luật sư Lê Quang Đ, Luật sư Trần Hải Đ, Đoàn LS Tp.HCM (Có mặt)

Người bị kiện:

1/ UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 86 LTT, P.B, Q.X, Tp.HCM (Có VB xin vắng)

2/ Chủ tịch UBND Quận X, Tp.HCM.

Địa chỉ: 47 LD, P.B, Q.X, Tp.HCM

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Nguyễn Phước Th, Phó Phòng QLĐT Q.X, Tp.HCM (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cty TNHH MTV DV công ích Q.X, Tp.HCM

Địa chỉ: 28 – 30 NTB, Q.X, Tp.HCM.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn và lời khai của phía người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Giữa năm 2002, bà Nguyễn Thị Thúy H có mua lại một phần diện tích sử dụng được chia vào năm 1996 của gia đình của ông Nguyễn Văn Tr, trong đó: Ông Nguyễn Văn Tr, con gái Nguyễn Thị Bích Ng sử dụng sân nước (1,10m x 0,90m); phòng ở (2,90m x 4,40m); nhà vệ sinh + bếp (2,50m x 2,40m) và của bà Nguyễn Thị Bích H sử dụng phòng ở phía sau là 3,30m x 4,50m tại căn nhà số 212B/D75 Nguyễn Trãi, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM. Năm 2007 bà Nguyễn Thị Thúy H ký hợp đồng thuê nhà với Công Ty Quản lý nhà quận 1, đối với diện tích nhận chuyển nhượng là 74,1m² và nộp tiền thuê nhà.

Thực hiện quyền khiếu nại và xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với căn nhà số 212B/D75, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 4242/UBND-ĐTMT ngày 13/8/2013 về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/7/2007.

Đầu năm 2015, nhận được Văn bản số 6755/UBND-ĐTMT ngày 17/12/2014 của UBND Thành phố thì bà mới biết Quyết định số 7153/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 thay thế Quyết định số 517/QĐ-UBND cũng là xác lập lại quyền sở hữu nhà nước.

Không đồng ý với việc thực hiện chính sách cải tạo nhà ở sau ngày 30/12/2013 là trái pháp luật, bà Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu: Hủy Quyết định số 7153/QĐ-UBND và buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích quận X, Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả số tiền thuê nhà đã nộp từ tháng 02/1992 đến tháng 12/1992. Bà đồng ý rút yêu cầu hủy Quyết định số 626/QĐ-UB ngày 19/9/2007 của UBND quận 1 và cả khoản tiền bồi thường thiệt hại về chi phí gửi đơn và nghỉ việc để khiếu nại trong nhiều năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thúy H đồng ý rút yêu cầu hoàn trả số tiền thuê nhà.

Theo các Văn bản và lời khai của phía người bị kiện UBND Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Văn Tr được Sở Quân vụ - Việt nam Cộng Hòa cho sử dụng căn nhà số 427 Khu IV (nay đổi là căn nhà số 212B/D75) theo lệnh cấp phát nhà ngày 16/9/1965. UBND Thành phố đã xác lập sở hữu nhà nước do thuộc diện nhà công sản theo Quyết định số 56317/QĐ-UB ngày 06/1/1995 là đúng chính sách pháp luật.

Gia đình ông Nguyễn Văn Tr tự ý chuyển nhượng bằng giấy tay một phần diện tích căn nhà này cho bà Nguyễn Thị Thúy H vào năm 2002 là đã biết căn nhà này thuộc sở hữu nhà nước, nên bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn đề nghị chuyển quyền thuê nhà ở và được ký hợp đồng thuê nhà với công ty QLN quận 1 vào tháng 2/2007, có đính kèm tờ cam kết “Chưa sở hữu căn nhà nào khác, chưa thuê nhà sở hữu nhà nước, chưa được nhà nước giao đất để xây dựng nhà ở và trả tiền đúng quy định”.

Việc ban hành Quyết định số 517/QĐ-UBND về xác lập sở hữu nhà nước chưa đúng mẫu quy định tại Thông tư số 19/2005/TT-BXD ngày 01/12/2005 của Bộ Xây dựng, nên UBND Tp.HCM đã bị thay thế, hủy bỏ bởi Quyết định số 7153/QĐ-UBND. Việc thay thế các quyết định vừa nêu trên nhưng không làm thay đổi bản chất căn nhà này vẫn thuộc sở hữu nhà nước từ sau năm 1975 đến nay. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H và xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án.

Theo các Văn bản và lời khai của phía người bị kiện Chủ tịch UBND Q.X, Tp.HCM trình bày:

Căn nhà số 212B/D75 được xác định là nhà công sản của chế độ cũ và hiện đã xác lập sở hữu nhà của nhà nước nên UBND quận 1 ban hành Quyết định số 626/QĐ-UB chấp thuận cho ông Trần Khắc C, bà Nguyễn Thị Thúy H được hợp pháp hóa nhận quyền thuê sử dụng căn nhà này.

Do được hưởng chính sách nhà ở thuộc sở hữu nhà nước tại căn nhà số 258/71 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, nên UBND quận 1 đã tiến hành thu hồi, hủy bỏ quyết định trên theo Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 31/3/2008. Đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Theo các Văn bản và lời khai của phía người có quyền, nghĩa vụ liên quan Cty TNHH MTV DV công ích Q.X, trình bày:

Công ty DVCI quận X được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 01/12/2010, thay đổi lần thứ 2; ngày 18/11/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 60/QĐ-UB về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 626/QĐ-UB nên Công Ty QLN quận 1 ban hành Văn bản số 55/TB. QLN ngày 28/4/2008 về thu hồi, hủy hợp đồng thuê nhà nêu trên, kể từ ngày 01/4/2008.

Riêng số tiền thu cho thuê nhà sẽ hoàn trả lại trên hóa đơn thu thực tế khi có văn bản có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1889/2018/HC-ST ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H, về việc đòi hủy Quyết định số 7153/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của Chủ tịch UBND Tp.HCM.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H, về việc đòi Cty TNHH MTV DV công ích Q.X hoàn trả cho bà số tiền thuê nhà đã nộp, từ tháng 02/1992 đến 12/2012 số tiền 43.986.888đồng.

3/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H, về việc đòi hủy Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND Quận X, kể cả yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với chi phí gửi đơn khiếu nại và bị mất thu nhập do phải nghỉ việc để đi khiếu nại.

4/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà H chịu số tiền 200.000đồng, được khấu trừ số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí HCST theo Biên lai thu số 09443 ngày 21/10/2015 của Cục Thi hành án Dân sự Tp.HCM, như vậy bà H đã nộp xong án phí HCST.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/12/2018 bà Nguyễn Thị Thúy H làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của gia đình bà, đề nghị phúc xử lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo cho rằng, bà H khởi kiện Quyết định số 7153/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định này có liên quan đến các Quyết định 56317/QĐ-UBND, Quyết định 571/QĐ-UBND, quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết đối với Quyết định bị kiện và các quyết định liên quan, vì vậy bà H yêu cầu xem xét lại, hủy hết tất cả các Quyết định nêu trên theo quy định của pháp luật.

Các Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà H, cho rằng: Việc xác lập sở hữu nhà nước đối với phần nhà của bà H, đã được UBND Tp.HCM ban hành bằng nhiều Quyết định khác nhau, đến Quyết định bị kiện là Quyết định cuối cùng mang số 7153/QĐ-UBND, thì tại thời điểm này gia đình bà H đang sử dụng từ trước năm 2002, do đó về hình thức về nội dung của Quyết định trên là không đúng quy định của pháp luật, các trình tự, thủ tục ban hành cũng không thực hiện đúng, khi ban hành các Quyết định trên, phía bà H không được nhận, đến nay bà cũng chỉ nhận được các văn bản photo, vì vậy Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà H, hủy các Quyết định hành chính nêu trên của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Phía người bị kiện có người bảo vệ quyền lợi cho rằng, các Quyết định của UBND Tp.HCM đối với bà H là hợp pháp, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo qui định của Luật tố tụng hành chính năm 2015, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thúy H làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp, đối tượng bị khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, thì vụ án có quan hệ tranh chấp “*Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp xác lập quyền sở hữu nhà*”.

Mà cụ thể người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ đối với Quyết định hành chính số 7153/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của Chủ tịch UBND Tp.HCM.

Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 115 của Luật tố tụng Hành chính; Luật Đất đai năm, 1993, 2003, 2013 và các Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai, Luật khiếu nại năm 2011, Luật nhà ở và các quyết định có liên quan.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng đối tượng bị khởi kiện và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về các Quyết định có liên quan đến đối tượng bị khởi kiện:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng giải quyết trong vụ án là Quyết định hành chính số 7153/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của Chủ tịch UBND Tp.HCM nêu trên, là phù hợp quy định của pháp luật.

Theo Điều 6 Luật tổ tụng hành chính quy định: “*Tòa án xem xét, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan trong vụ án hành chính.*”

Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện và kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại văn bản hành chính, hành vi hành chính đó và trả lời kết quả cho Tòa án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Theo Điều 193 Luật tổ tụng hành chính quy định: “*Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan”.*

Đối chiếu với quy định nêu trên, thì đối tượng giải quyết trong vụ án này còn có các Quyết định hành chính liên quan trực tiếp đến Quyết định hành chính bị khởi kiện gồm: Quyết định số 56317/QĐ-UB ngày 06/01/1995 và Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/7/2007 của UBND Tp.HCM, về việc xác lập quyền sở hữu nhà đối với nhà đất.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập các tài liệu, chứng cứ, thẩm tra, xác minh và đánh giá chứng cứ liên quan đến các các Quyết định hành chính như đã nêu trên là chưa đúng, được pháp luật quy định tại Điều 6, Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính như đã viện dẫn.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2005/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 23/2003/UBTVQH, quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, trong xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với nhà đất như sau: *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân đối với các loại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng nhưng chưa hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân.*

Theo Phụ lục 2 Thông tư 19/2005/TT-BXD hướng dẫn Nghị quyết Nghị định số 127/2005/NĐ-CP, quy định về biểu mẫu để UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định xác lập sở hữu toàn dân đối với nhà ở, như sau:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác lập sở hữu toàn dân nhà ở số

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)....

Theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH 11, quy định về các Văn bản thể hiện sự quản lý nhà đất như sau: *Các văn bản quản lý được áp dụng khi giải quyết các trường hợp quy định tại Nghị quyết này bao gồm: Quyết định, thông báo, công văn, văn bản kê biên, kiểm kê, danh sách kiểm kê và các giấy tờ khác liên quan đến việc quản lý, bố trí sử dụng nhà đất của Ủy ban hành chính, Ủy ban quân quản, Ủy ban nhân dân cách mạng, Ủy ban nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước các cấp, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế nhà nước, tổ chức xã hội.*

Đối chiếu với trường hợp khởi kiện của bà H, thì Quyết định bị khởi kiện số 7153/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 và các Quyết định liên quan đến Quyết định bị khởi kiện gồm: Quyết định số 56317/QĐ-UB ngày 06/01/1995; Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/7/2007, thuộc thẩm quyền ban hành của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định của pháp luật như đã viện dẫn.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện Chủ tịch UBND Tp.HCM là chưa đúng với Điều 9, Điều 30 và Điều 115 Luật tổ tụng hành chính.

Ngoài ra, do xác định thiếu đối tượng giải quyết là những Quyết định liên quan đến Quyết định bị khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người có quyền, nghĩa vụ liên quan, được pháp luật quy định tại Điều 10, Điều 55, Điều 58 Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

[5] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án về việc thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan nội dung giải quyết, giữa người khởi kiện và người bị kiện có xác định nguồn gốc sự việc, vị trí, diện tích khác nhau, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện việc thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng, vị trí của nhà đất diện tích, thu thập các tài liệu liên quan đến Bản vẽ hiện trạng, sơ đồ nhà đất, không thực hiện việc đối chất để làm rõ các mâu thuẫn trong lời khai của các bên đương sự theo luật định.

Ngoài ra, phía người khởi kiện yêu cầu phía người bị kiện cung cấp bản chính các Quyết định hành chính bị khởi kiện và bản chính các Quyết định có liên quan, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thu thập các bản photo không chứng thực, sao y theo luật định.

Đến giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các thủ tục yêu cầu phía người bị kiện cung cấp bản chính nêu trên, tuy nhiên qua nhiều lần hoãn phiên tòa phúc thẩm chờ cung cấp, nhưng phía người bảo vệ cho người bị kiện cũng vẫn không cung cấp được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong giai đoạn xét hỏi Hội đồng xét xử yêu cầu các bên đương cung cấp, bổ sung tài liệu, nhưng phía bị kiện cũng không cung cấp các bản chính theo yêu cầu Tòa án, đến khi cuối phần tranh luận, Hội đồng xét

xử chuẩn bị vào nghị án thì người bảo vệ cho người bị kiện mới đưa ra một số tài liệu là bản chính, nhưng chỉ cho Hội đồng xét xử phúc thẩm xem tại chỗ, mà không giao nộp chứng cứ theo luật định.

Các tài liệu này chưa được thu thập, xác minh, thẩm tra, do đó Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thể thực hiện việc đánh giá các chứng cứ nêu trên được, nên có cơ sở hủy Bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí hành chính sơ thẩm*: Sẽ được giải quyết khi thụ lý lại ở giai đoạn sơ thẩm.

[7] *Về án phí hành chính phúc thẩm*: Do hủy Bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí HCPT theo luật định.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các trên.

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 1889/2018/HCST ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi thụ lý lại ở cấp sơ thẩm.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Bà H không phải chịu, hoàn trả bà H số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo Biên lai thu số 0046005 ngày 11/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM.
- Tòa án nhân dân Tp.HCM.
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN